



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 4

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát 7
Quá trình hình thành và phát triển 10
Ngành nghề kinh doanh 12
Các rủi ro trong kinh doanh dịch vụ 13
Định hướng phát triển 14
Công ty con, Công ty Liên doanh, Liên kết
Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý 16
Tổ chức nhân sự 18

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Tình hình hoạt động (2019-2023) 20
Tình hình tài chính 21
Báo cáo của Hội đồng Quản trị 24
Báo cáo của Tổng Giám đốc 26
Báo cáo của Ban kiểm soát 30
Giao dịch của người nội bộ 32

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Bảng kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
Phụ lục



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

Kính gửi: Quý cổ đông

Thưa Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và các đối tác!

Năm 2023 đánh dấu 27 năm VNT Logistics được hình thành và phát triển. Năm qua là một năm đầy những thách thức và khó khăn trong bối cảnh nguy cơ về một cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu. Tình hình xung đột địa chính trị khiến lạm phát tại nhiều quốc gia tăng cao tạo ra môi trường kinh doanh đầy biến động.

Tuy nhiên, Với sự quyết tâm cao, sự nỗ lực và cố gắng không ngừng từ Ban lãnh đạo đến tập thể nhân viên và được sự ủng hộ quý báu nhiệt tình của các Quý vị cổ đông, các khách hàng, các đối tác và các cơ quan hữu quan, VNT Logistics luôn nỗ lực để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất và cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đề ra. Ngoài các mảng kinh doanh chính như vận tải đường biển, vận tải hàng không vốn là thế mạnh của Công ty, trong năm 2023 Công ty đang tiếp tục đẩy mạnh phát triển cảng biển đầu tiên của mình thông qua sở hữu cổ phần của CTCP Cảng Mipac - cảng tổng hợp, container có thể đón được tàu 30.000 – 40.000 DWT tại Hải Phòng. Đồng thời Công ty cũng tiếp tục cùng các đối tác đầu tư vào dự án xây dựng Trung tâm logistics Thăng Long để xây dựng một trung tâm logistics hiện đại để đáp ứng hơn nữa nhu cầu của khách hàng tại khu vực phía Bắc.

Năm 2024 với kỳ vọng tình hình vĩ mô sẽ được cải thiện mở ra những cơ hội mới cho VNT Logistics để phát triển.

Đổi mới và sáng tạo sẽ tiếp tục là chủ đề hành động xuyên suốt trong thời gian tới để VNT Logistics không chỉ cung cấp được dịch vụ tốt nhất mà còn là một thương hiệu có sự uy tín cao đối với quý khách hàng. Với tinh thần quyết tâm cao VNT Logistics cam kết sẽ tiếp tục nâng cao, cải thiện chất lượng dịch vụ, luôn lấy khách hàng làm trung tâm, luôn cùng khách hàng chia sẻ những khó khăn và đồng hành cùng khách hàng trên mọi nẻo đường.

Nhân dịp đầu xuân năm Giáp Thìn, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty VNT Logistics, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn tới các cơ quan hữu quan, các Cổ đông, Quý khách hàng và các nhà cung cấp đã tin tưởng, chia sẻ và hợp tác để VNT Logistics ngày càng phát triển bền vững, thịnh vượng. Đặc biệt tôi xin cảm ơn Ban điều hành cùng toàn thể nhân viên công ty đã hết sức nỗ lực, cố gắng trong năm qua để hoàn thành vượt mức kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao phó, rất mong các bạn sẽ tiếp tục đồng hành cùng Hội đồng quản trị để VNT Logistics không ngừng phát triển và vượt qua giai đoạn khó khăn này.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN XUÂN GIANG

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

651 TỶ ĐỒNG

TỔNG TÀI SẢN

879 TỶ ĐỒNG

TỔNG DOANH THU





THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Tên tiếng Anh: **VNT LOGISTICS**

Tên giao dịch: **VNT**

Mã chứng khoán: **VNT**

Địa chỉ trụ sở chính: **Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.**

Tel: **(84-24) 3732 1090**

Fax: **(84-24) 3732 1083**

Email: **info@vntlogistics.com**

Website: **http://www.vntlogistics.com//**

Vốn điều lệ: **166.994.970.000 VNĐ**

(Một trăm sáu mươi sáu tỷ chín trăm chín mươi tư triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng)

Số lượng CP NY: **16.699.497 CP**

Số lượng CP LH: **16.644.097 CP**

Giấy đăng ký kinh doanh số: 0101352858 thay đổi lần thứ 16 ngày 31/05/2023 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

208 đường Chùa Vẽ, P.Đông Hải 1,
Q.Hải An, TP.Hải Phòng, Việt Nam.
Tel: (84) 22 5376 5819
Fax: (84) 22 5376 5821
Email: mngt@vnthp.com.vn

CHI NHÁNH BẮC NINH

Tầng 6 Toà nhà VNPT, số 33 Lý Thái
Tổ, P.Ninh Xá, TP. Bắc Ninh, Việt Nam.
Tel: (84) 979 082 092
Email: huyennt@vntlogistics.com

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Số 184 Trần Phú, P.Phước Ninh,
Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: (84) 23 6356 2304
Fax: (84) 23 6382 1310
Email: vantr@vinatransdn.com.vn

CHI NHÁNH QUY NHƠN

Lô 202-203 Lê Đức Thọ, P.Hải Cảng,
TP.Quy Nhơn, Việt Nam.
Tel: (84) 5689 1787/8
Email: vntquq@dng.vnn.vn

CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Tầng 5, khu C, tòa nhà WASECO, số 10 Phố Quang,
Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84) 28 3931 1918
Fax: (84) 28 3931 1372
Email: hnthcm@hanoitrans.com.vn

HỆ THỐNG KHO BÃI, CẢNG BIỂN

Kho tại Bồ Đề, Gia Lâm, TP.Hà Nội
Kho bãi tại Hải Phòng: Km200, Đường 356, P.Đông Hải
2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng
Cảng Mipec- MPC Port : Khu kinh tế Đình Vũ – Cát
Hải, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng

CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN VẬN TẢI HÀ THÀNH

Số 2 Bích Câu, P.Quốc Tử Giám,
Q.Đống Đa, TP.Hà Nội
Tel: (84) 24 3732 2784
Fax: (84) 24 3732 2895
Email: info@hanotrans.com.vn
Website: <http://www.hanotrans.com.vn/>

CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG MIPEC

Bán đảo Đình Vũ, Khu KT Đình Vũ Cát Hải,
P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP.Hải Phòng
Tel: (84) 22 5326 0036
Email: infor@mpcport.com
Website: <http://www.mpcport.com/>

CÔNG TY TNHH MITSUI-SOKO VIỆT NAM

Lô CN 2.10 KCN MP Đình Vũ, Khu nhà cho thuê của
Công ty CP đối tác Thái Bình Dương, P.Đông Hải 2,
Q.Hải An, TP.Hải Phòng, Việt Nam

CÔNG TY CP DỊCH VỤ LOGISTICS THĂNG LONG

Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hòa,
Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tel: (84 - 221) 3589 886 - Ext: 158/172
Email: info@tll.com.vn
Website: <http://www.tll.com.vn/>

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1996

Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans) thành lập chi nhánh tại Hà Nội - VNT Logistics

2003

Cổ phần hóa chi nhánh Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải ngoại thương-VNT Logistics.

2004

Thành lập công ty con Công ty TNHH giao nhận vận tải Hà Thành Hanotrans

2006

VNT Logistics kỷ niệm 10 năm thành lập và vinh dự đón nhận huân chương lao động hạng III do Chủ tịch nước trao tặng do các doanh nghiệp có thành tích kinh doanh xuất sắc

2009

Công ty CP Giao nhận Vận tại Ngoại thương chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội

2011

Công ty thay đổi thương hiệu nhận diện mới từ VINATRANS HA NOI sang VNT Logistics

2017

VNT Logistics tổ chức kỷ niệm 20 năm thành lập

2019

VNT logistics thay đổi nhận diện thương hiệu và logo Công ty

THÀNH TÍCH

2002

Bằng khen của Bộ Thương Mại, bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ. Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”

2003

Bằng khen của Bộ Thương Mại. Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”

2004

Bằng khen của Bộ Thương Mại, cờ thi đua xuất sắc của Bộ Thương Mại. Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”

2005

Công ty đạt được danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”

2006

Công ty vinh dự đạt được huân chương lao động hạng 3

2007

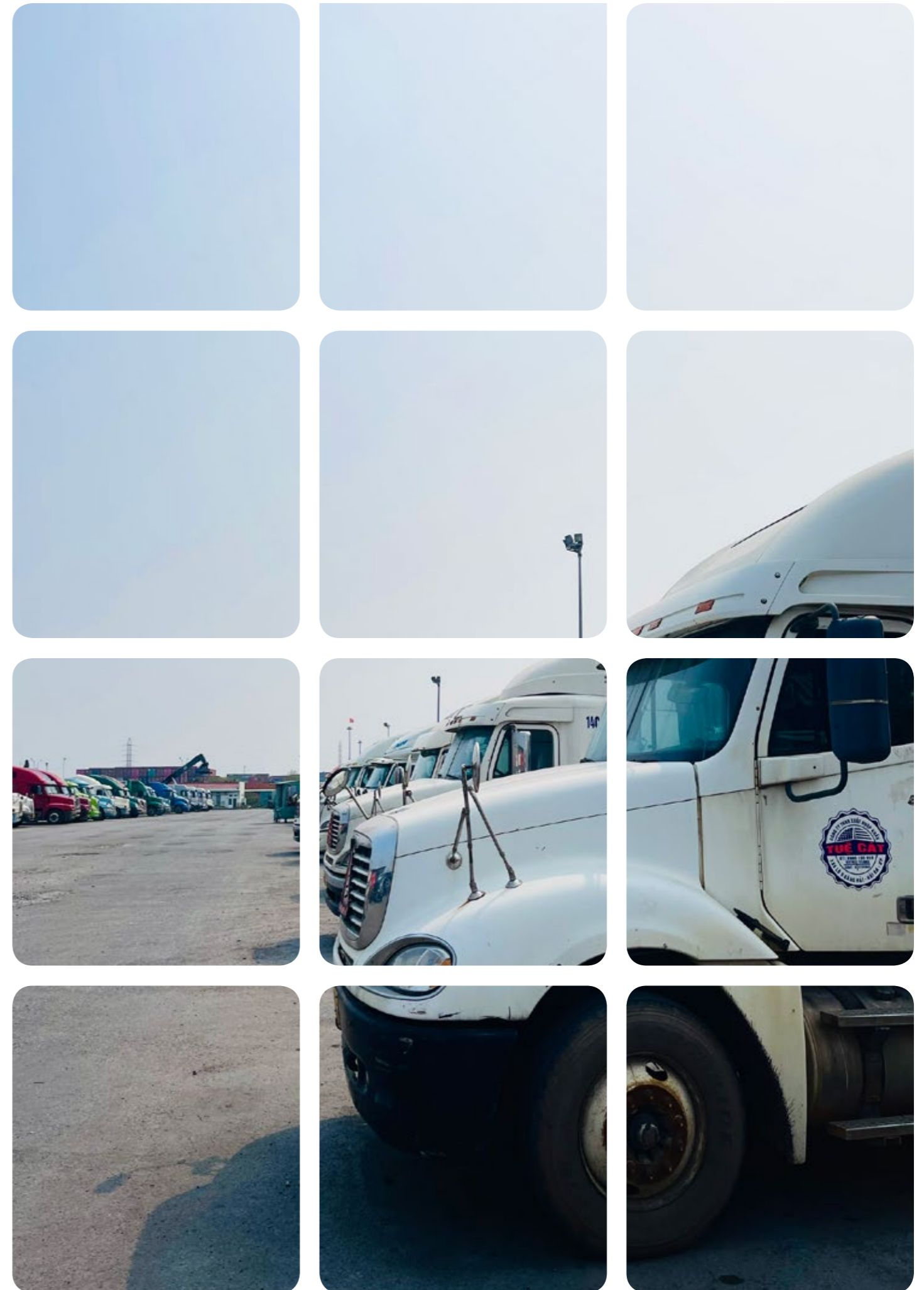
Công ty vinh dự đạt được bằng khen của Bộ Thương Mại

2016

Công ty vinh dự nhận được bằng khen của Bộ Công Thương. Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

2017

Công ty vinh dự nhận được bằng khen của Bộ Công Thương. Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp

Chi tiết: Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại

Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại

Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hoá

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh kahsc còn lại chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận uỷ thác xuất nhập khẩu

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: KD cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi



Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

Chi tiết: - KD vận tải hàng hoá nội địa và quá cảnh;

- KD các dịch vụ về vận tải hàng XNK;
- Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
- KD vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

Bốc xếp hàng hóa

Chi tiết: Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển.

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Chi tiết: - KD các DV về giao nhận, vận tải hàng XNK;

- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
- Đại lý tàu biển.
- KD Vận tải hàng hoá đa phương thức;
- Dịch vụ thương mại và DV có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hoá XNK (thủ tục HQ, tái chế, bao bì, kiểm kiện HH XNK).

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: - Xây dựng công trình thuỷ như:

+ Đường thuỷ, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống...

+ Đập và đê.

- Hoạt động nạo vét đường thuỷ.

Chuyến phát

Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ chuyển phát trong nước và quốc tế

Bưu Chính

Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bưu chính trong nước và quốc tế

Đại lý, môi giới, đấu giá

Chi tiết: Môi giới hàng hải



CÁC RỦI RO TRONG KINH DOANH DỊCH VỤ

RỦI RO VỀ NGÀNH

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải đa phương thức nên Công ty cũng chịu ảnh hưởng bởi tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Việc mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế và thương mại với các nước, triển khai các Hiệp định thương mại đa phương và song phương sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam có thêm điều kiện mở rộng thị trường xuất nhập khẩu. Đây là những cơ hội cho các công ty logistics phát triển doanh thu và khách hàng của mình. Tuy nhiên, khi ngành xuất nhập khẩu đình trệ, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu gặp khó khăn trong việc bán hàng cũng như phát triển thị trường thì nhu cầu về vận tải đa phương thức sẽ bị giảm xuống và điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Đối với ngành logistics để hoạt động kinh doanh với quy mô như công ty hiện nay đòi hỏi một lượng vốn lớn từ các tổ chức tín dụng, ngoài ra Công ty đang tiến hành đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để mở rộng kinh doanh nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

RỦI RO VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao cho ngành dịch vụ logistics đang thiếu hụt, do thiếu các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp hoặc đào tạo không đủ cấp cho thị trường. VNT Logistics hiện cũng đang rất cần những nhân sự có trình độ chuyên môn cao để bổ sung vào đội ngũ nhân lực của Công ty.

RỦI RO TỶ GIÁ

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, VNT Logistics chủ yếu giao dịch bằng đồng USD nên những biến động trong tỷ giá hối đoái sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. VNT Logistics luôn chủ động dự báo tỷ giá ngoại hối và tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ để có thể cân bằng giữa rủi ro về tỷ giá và rủi ro thanh toán.

TÂM NHÌN

Trở thành công ty hàng đầu về giao nhận và vận chuyển hàng hóa tại Việt Nam cũng như trên thế giới thông qua những giải pháp chuyên nghiệp, uy tín nhất.

SỨ MỆNH

Cung cấp các dịch vụ về giao nhận và vận chuyển hàng hóa hàng đầu trong nước và thế giới.

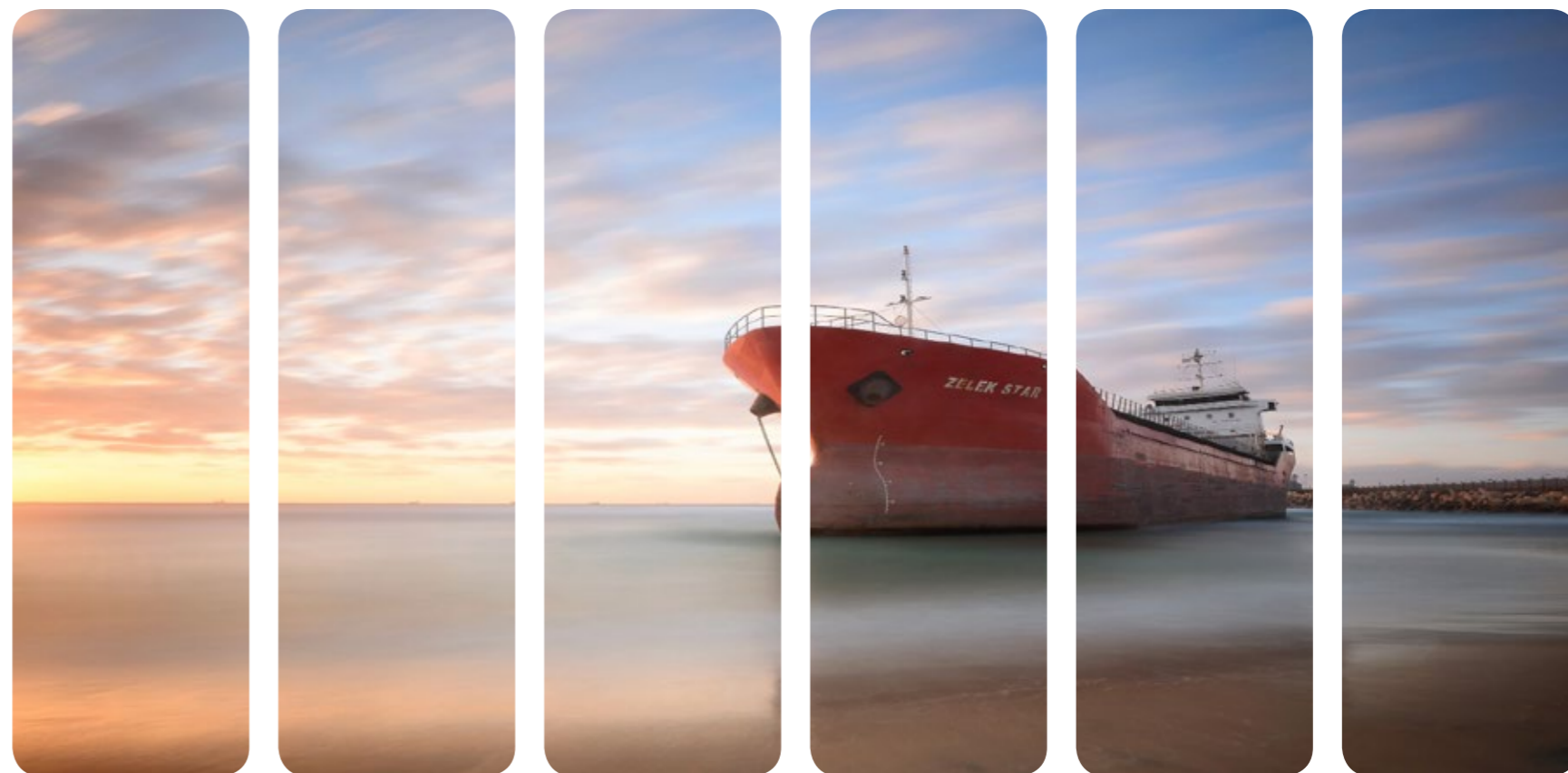
Sứ mệnh về cộng đồng và xã hội.

Tạo ra các giá trị về vật chất và tinh thần cho các cổ đông và cán bộ nhân viên.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Lấy con người và công nghệ làm giá trị cho sự phát triển của Doanh nghiệp và Xã hội

“Với hơn 25 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty cổ phần giao nhận vận tải Ngoại Thương (VNT Logistics) tự hào trở thành một trong những doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng đầu trong khu vực”

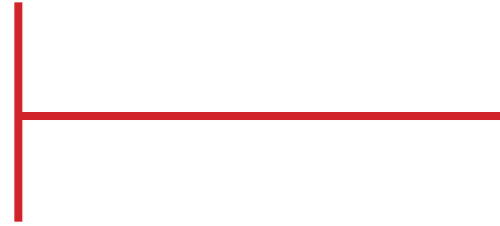


ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào cơ sở hạ tầng Logistics nhằm mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ Logistics nhằm mở rộng thị phần Logistics trên cả nước.
- Lấy đội ngũ cán bộ nhân viên làm giá trị cốt lõi của công ty, công ty luôn chú trọng xây dựng đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp và chuẩn mực nhằm đáp ứng các yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước về dịch vụ Logistics.
- Tập trung, chú trọng gia tăng năng suất lao động, hợp lý hóa, chuẩn mực hóa quy trình vận hành cung cấp dịch vụ Logistics, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường Logistics.
- Mở rộng các mối quan hệ hợp tác và tìm kiếm đối tác trong và ngoài nước để cùng xây dựng và mở rộng các dịch vụ Logistics trên thị trường Việt Nam.
- Hướng đến mục tiêu phát triển Logistics bền vững thông qua logistics xanh, đồng thời tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo và nguyên liệu thân thiện với môi trường.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



BAN KIỂM SOÁT



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CON

Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành

CÔNG TY LIÊN KẾT

- Công ty CP Cảng Mippec
- Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long
- Công ty TNHH Mitsui-soko Việt Nam

CHI NHÁNH

- Chi nhánh Hải Phòng
- Chi nhánh Bắc Ninh
- Chi nhánh Đà Nẵng
- Chi nhánh Quy Nhơn
- Chi nhánh Hồ Chí Minh

CÁC PHÒNG BAN

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng số lượng cán bộ, nhân viên tại Công ty là 420 nhân viên. Trong đó, Công ty mẹ là 268 người và Công ty con (Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà thành) có 152 người.

Đối với VNT Logistics con người luôn được xem là tài sản quý giá nhất và là nguồn lực quan trọng cho sự phát triển của Công ty. Với hơn 25 năm thành lập và phát triển, VNT Logistics đã xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên với nhiều năm kinh nghiệm, có trình độ nghiệp vụ, trình độ chuyên môn cao.

Ngoài ra, đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty còn có tinh thần trách nhiệm và tính kỷ luật cao luôn chủ động trong công việc, lấy sự hài lòng của khách hàng là kim chỉ nam cho sự phát triển của Công ty.

Cán bộ nhân viên Công ty luôn đồng lòng và quyết tâm xây dựng, phát triển Công ty ngày một vững mạnh trên thị trường Logistics Việt Nam và Thế giới.

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023
Ông Trần Công Thành	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023
Ông Vũ Chinh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023
Ông Lê Duy Hiệp	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023
Ông Nguyễn Bích Lâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thái Nhi	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 7 năm 2023
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 7 năm 2023
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



VNT Logistics luôn xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển. Dựa trên cơ sở này Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách đối với người lao động một cách hợp lý, thực hiện dưới các hình thức sau:

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Công ty và nhân viên có thể thỏa thuận về việc làm thêm giờ và số giờ làm thêm này sẽ tính cho người lao động từ 150% đến 300% lương làm việc thông thường.

Đối với nhân viên làm việc theo chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ, Công ty sẽ giảm 1 giờ làm việc/ngày cho các nhân viên đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng. Trong thời gian nghỉ thai sản, nhân viên vẫn được nhận lương theo các quy định của bảo hiểm xã hội.

Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/năm và cứ mỗi 2 năm làm việc, nhân viên sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

VNT Logistics luôn chú trọng xây dựng đội ngũ lao động thông qua các biện pháp thiết thực có hiệu quả. Việc tuyển dụng được thực hiện qua thi tuyển đầu vào và tuyển dụng người theo yêu cầu công việc.

Công ty luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ kỹ năng tốt, vì vậy VNT Logistics thường xuyên gửi cán bộ nhân viên tham gia khóa học đào tạo của các tổ chức giao nhận IATA, FIATA, các lớp học về quản trị, khóa học quản

lý của các trường, viện kinh tế, Công ty cũng thuê giảng viên tại các trường đại học hàng đầu Việt Nam về giảng dạy nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên Công ty. Nhân viên mới vào sẽ được tập huấn bởi các Trưởng/Phó phòng các phòng nghiệp vụ có trình độ chuyên môn vững và có kinh nghiệm qua thời gian gắn bó lâu dài với Công ty.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

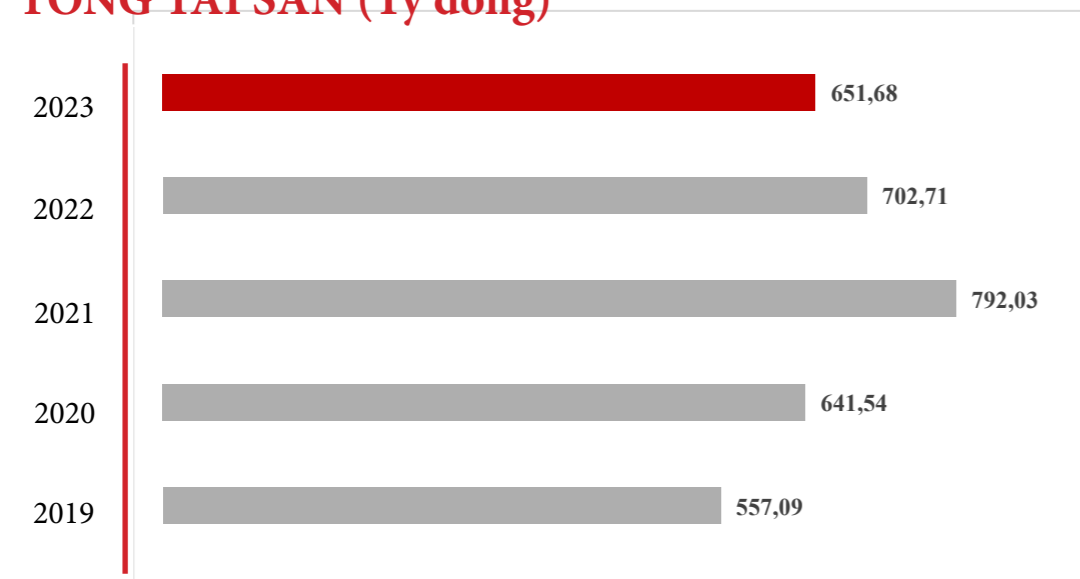
Trong các năm qua, Công ty đã có chính sách phát hành cổ phiếu theo chương trình Esop cho cán bộ nhân viên chủ chốt của Công ty nhằm gắn lợi ích của nhân viên với lợi ích của Công ty, giữ chân và thúc đẩy những cán bộ nhân viên có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty, tạo thêm quyền lợi khác cho nhân viên ngoài tiền lương và thưởng, chế độ đãi ngộ xứng đáng cho nhân viên để thu hút nhân tài và tạo cạnh tranh so với thị trường.

Để đảm bảo thu nhập cho nhân viên trong Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đặc biệt chú trọng đến việc tăng đều đặn doanh thu hàng năm, giảm thiểu những chi phí không cần thiết. Hiện tại, Công ty đã triển khai áp dụng cơ chế khoán lương theo kết quả kinh doanh, trong đó có nhiều yếu tố khuyến khích đãi ngộ đối với đội ngũ nhân viên cốt cán, có năng lực và đã có những cống hiến đáng kể cho hoạt động kinh doanh của Công ty, trực tiếp tạo nên thu nhập cho Công ty, nâng cao chế độ trách nhiệm cụ thể của mọi chức danh, nhất là đội ngũ nhân viên, chuyên viên nghiệp vụ.

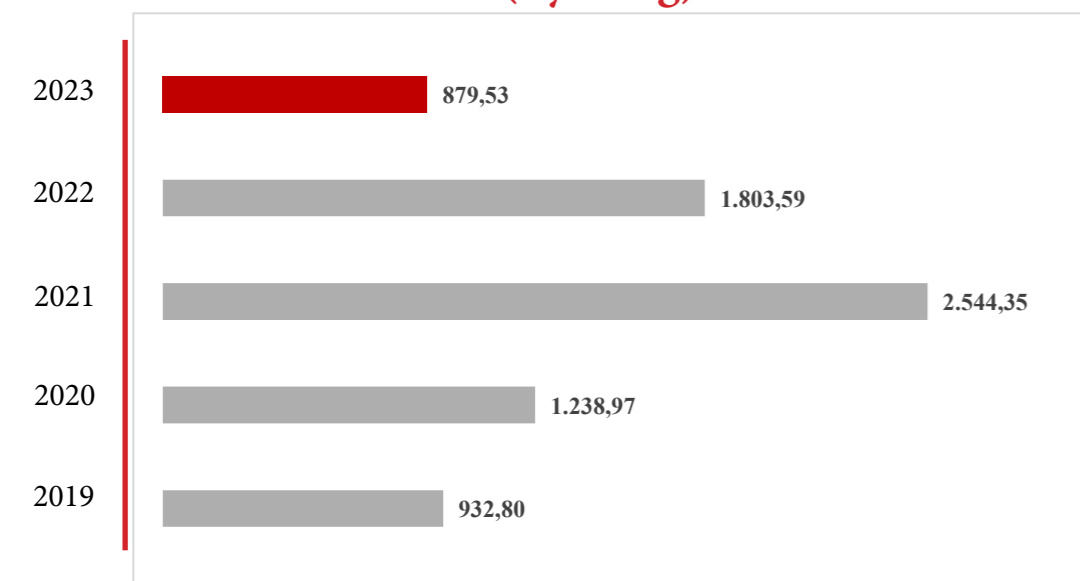
Năm 2023 Công ty luôn đảm bảo các lợi ích vật chất và tinh thần cho nhân viên trong công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

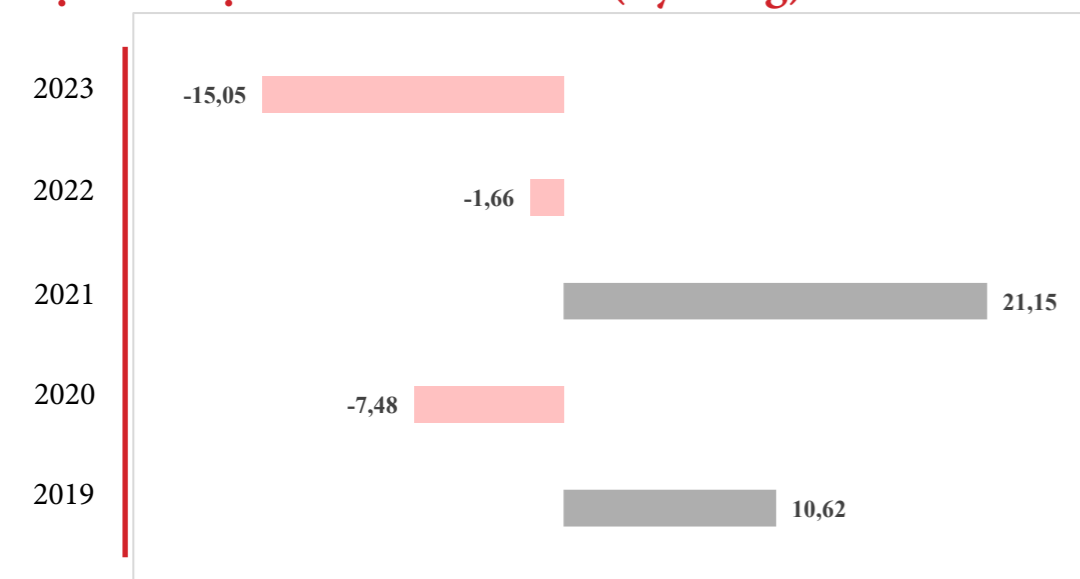
TỔNG TÀI SẢN (Tỷ đồng)



DOANH THU THUẦN (Tỷ đồng)



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN NĂM 2023

I. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

1. Các khoản đầu tư dự án

Trung tâm Logistics Thăng Long

Với tổng diện tích 30.000 m2 bao gồm kho tổng hợp 12.000 m2 và kho lạnh 5.100 m2, sức chứa 28.000 vị trí pallets, với chức năng lưu giữ hàng hóa tổng hợp, địa điểm tập kết hàng hóa tổng hợp để phân phối đi các nơi theo chỉ định.

Công ty Mitsui soko Việt Nam

Với tỷ lệ sở hữu 10%. Trong năm 2023, Công ty đã hoạt động hiệu quả và nỗ lực đạt mục tiêu kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

Công ty liên kết Công ty cổ phần Cảng Mipec

Với số vốn góp 26,66%. Hiện nay, dự án đã bắt đầu đi vào hoạt động tuy nhiên ghi nhận lỗ theo kế hoạch trong giai đoạn đầu của dự án.

Đầu tư xây dựng trụ sở số 2 Bích Câu

Kế hoạch xây thành văn phòng làm việc, văn phòng cho thuê: Công ty đã hoàn thành việc đăng ký hồ sơ địa chính và đang trong quá trình hoàn thiện giấy phép xây dựng

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

1. Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/(Giảm)	Tỷ lệ %
Doanh thu thuần	412.379.080.165	854.131.717.391	(441.752.637.226)	(51,7%)
Lợi nhuận trước thuế	11.489.657.054	17.830.021.888	(6.340.364.834)	(35,6%)
Lợi nhuận sau thuế	9.202.131.938	14.262.045.885	(5.059.913.947)	(35,5%)

2. Công ty Cổ phần Cảng Mipec

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/(Giảm)	Tỷ lệ %
Doanh thu thuần	102.318.148.419	70.096.804.851	32.221.343.568	46,0%
Lợi nhuận trước thuế	(119.215.198.596)	(156.068.644.863)	36.853.446.267	(23,6%)
Lợi nhuận sau thuế	(119.215.198.596)	(156.068.644.863)	36.853.446.267	(23,6%)

- Công ty CP Cảng Mipec là dự án mới được đưa vào khai thác, chi phí khấu hao và lãi vay còn lớn. Dự án đang phát hoạt động và phát triển theo đúng kế hoạch đã đặt ra.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

I. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: triệu đồng		
	Năm 2023	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	651.679	702.705	-7,3%
Doanh thu thuần	879.526	1.803.584	-51,2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(15.436)	(1.300)	1087,4%
Lợi nhuận khác	388	(358)	-208,4%
Lợi nhuận trước thuế	(15.048)	(1.659)	807,1%
Lợi nhuận sau thuế	(17.640)	(11.201)	57,5%

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,98	1,03	
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			
Hệ số thanh toán nhanh:	0,98	1,03	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,67	0,75	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,01	3,00	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho			
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	-	-	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,35	2,57	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,02	-0,006	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,081	-0,064	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,027	-0,016	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	-0,018	-0,001	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ

I. CỔ PHẦN

Chỉ tiêu	Số cổ phần
Tổng số cổ phần đã phát hành	16.699.497
Tổng số cổ phần đang lưu hành	16.644.097
Cổ phiếu quỹ	55.400

II. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

1. Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông lớn/cổ đông nhỏ

Đối tượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn	14.393.114	86%
Cổ đông nhỏ	2.250.983	14%

2. Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông tổ chức/ cổ đông cá nhân

Đối tượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông tổ chức	13.624.516	82%
Cổ đông cá nhân	3.019.581	18%

3. Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông trong nước/ nước ngoài

Đối tượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	14.895.918	89%
Cổ đông nước ngoài	1.748.179	11%

4. Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông nhà nước/ cổ đông khác

Đối tượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông nhà nước	0	0%
Cổ đông cổ đông khác	16.644.097	100%

III. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 55.400 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu được quỹ thực hiện trong năm: Không có

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/(Giảm)	Tỷ lệ %
Doanh thu thuần	879.526.958.129	1.803.584.707.015	-924.057.748.886	-51,2%
Lợi nhuận trước thuế	-15.048.732.816	-1.659.682.275	-13.389.050.541	806,7%
Lợi nhuận sau thuế	-17.640.227.953	-11.201.327.291	-6.438.900.662	57,5%

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023:

1. Tổ chức và hoạt động của HĐQT

Danh sách các Thành viên HĐQT` chốt đến ngày 31/12/2023 như sau:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Thù lao	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch	133.333.333	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Công Thành	Ủy viên	61.111.111	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Vũ Chinh	Ủy viên	-	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Duy Hiệp	Ủy viên	61.111.111	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Bích Lân	Ủy viên	61.111.111	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên	-	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Ủy viên	61.111.111	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Vũ Thế Đức (đã từ nhiệm ngày 26/04/2023)	Ủy viên	61.111.111	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Bảo Trung (đã từ nhiệm ngày 26/04/2023)	Ủy viên	-	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021

- HĐQT đã cung cấp kịp thời và đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty cho Ban kiểm soát. Công bố đầy đủ chính xác và kịp thời thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình quản trị công ty theo Điều lệ Công ty và Pháp luật quy định.
- Giám sát và hỗ trợ cho hoạt động đầu tư tại công ty Cổ phần Cảng Mipec.

2. Hoạt động giám sát Ban điều hành Công ty:

- HĐQT đã triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023, của Hội đồng quản trị đến Ban điều hành kịp thời.
- HĐQT giám sát, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Năm qua, Ban điều hành đã thực hiện đúng

chức năng, nhiệm vụ được giao. Các quyết định của Ban Tổng giám đốc đều được ban hành đúng thẩm quyền, kịp thời. Ban Điều hành đã cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên Hội đồng quản trị đầy đủ, kịp thời, phục vụ tốt cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành.

3. Các quyết định chính của Hội đồng quản trị trong năm 2023:

- NQ số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 05/01/2023**
Thông qua việc chốt danh sách thanh toán lãi Trái phiếu chuyển đổi đã phát hành.
- NQ số 02/2023/NQ-HĐQT ngày 05/01/2023**
Thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi và phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành.
- NQ số 03/2023/NQ-HĐQT ngày 06/01/2023**
Thông qua việc thực hiện mua cổ phiếu của

CTCP Cảng Mipec được chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ.

- NQ số 04/2023/NQ-HĐQT ngày 16/02/2023**
Thông qua việc thực hiện mua cổ phiếu của CTCP Cảng Mipec được phân phối thêm sau khi chào bán không hết trong đợt phát hành cổ phiếu Đợt 2.
- NQ số 05/2023/NQ-HĐQT ngày 08/03/2023**
Thông qua việc thay đổi kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- NQ số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 08/03/2023**
Thông qua việc thay đổi kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- NQ số 07/2023/NQ-HĐQT ngày 22/03/2023**
 - Thông qua Báo cáo của Tổng Giám Đốc về kết quả kinh doanh năm 2022 và phương hướng kinh doanh năm 2023.
 - Thông qua nội dung tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
 - Thông qua tờ trình quyết toán quỹ lương năm 2022 và kế hoạch năm 2023.
 - Thông qua tờ trình thực hiện mua cổ phiếu của CTCP Dịch vụ Logistics Thăng Long trong đợt chào bán riêng lẻ.

- NQ số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 26/04/2023**
Thông qua việc bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.
- NQ số 09/2023/NQ-HĐQT ngày 26/04/2023**
Thông qua việc bổ nhiệm, tái bổ nhiệm nhân sự Công ty nhiệm kỳ 2023-2028.
- NQ số 10/2023/NQ-HĐQT ngày 25/05/2023**
Thông qua việc cử người đại diện phần vốn góp tại CTCP Dịch vụ Logistics Thăng Long.
- NQ số 11/2023/NQ-HĐQT ngày 07/07/2023**
Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023.
- NQ số 12/2023/NQ-HĐQT ngày 13/07/2023**
Thông qua việc tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028.
- NQ số 13/2023/NQ-HĐQT ngày 26/09/2023**
Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Nam Hà Nội.
- NQ số 14/2023/NQ-HĐQT ngày 27/12/2023**
Thông qua việc bán một phần vốn tại CTCP Cảng Mipec.

III. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2024:

1. Định hướng phát triển 2024:

- Duy trì và phát triển các mảng kinh doanh hiện có như vận tải quốc tế đường biển, hàng không, contract logistics.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào hạ tầng logistics tại khu vực phía bắc.
- Triển khai thành công các nghị quyết của đại hội cổ đông năm 2024.
- Giám sát, hỗ trợ vốn và kinh doanh cho hoạt động đầu tư tại Công ty cổ phần Cảng Mipec, Công ty cổ phần Logistics Thăng Long, công ty Mitsui soko Việt nam.
- Tái cơ cấu các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản nợ ngân hàng.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch kinh doanh năm 2024:

Tổng Doanh thu:	900 tỷ
Hợp nhất lỗ từ công ty liên kết:	51,25 tỷ
<i>(với kế hoạch KD của MPC 2024 là: lỗ 27 tỷ)</i>	
Lợi nhuận trước thuế:	7,8 tỷ

Kính thưa Quý cổ đông!

Trên đây là báo cáo của HĐQT đánh giá về hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2023 và các hoạt động của HĐQT. Năm 2024 Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tăng cường giám sát chặt chẽ hoạt động của Công ty để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất.

Thay mặt HĐQT, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc về sự quan tâm và sự tin cậy ủng hộ của các đối tác, các nhà đầu tư, đặc biệt xin trân trọng cảm ơn những nỗ lực lớn lao của CBCNV Công ty đã góp phần quan trọng vào sự phát triển và thành công của VNT Logistics trong những năm qua.

Với tinh thần trách nhiệm, tất cả vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị mong nhận được những ý kiến đóng góp thiết thực, chân tình của các Quý cổ đông.

Cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin được gửi tới toàn thể Quý cổ đông, Quý đại biểu lời chúc sức khỏe, phúc và thành đạt./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN XUÂN GIANG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

I. KẾT QUẢ KINH DOANH DỊCH VỤ NĂM 2023:

1. Kết quả kinh doanh năm tài chính 2023 (Hợp nhất).

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: triệu đồng		
	TH 2023	TH 2022	So sánh
Doanh thu	879.526	1.803.584	49%
Lợi nhuận trước lãi vay và khấu hao (loại trừ bán 5% MPC, lỗ hợp nhất từ công ty liên kết MPC)- EBITA	31.191	56.371	55%
Chi phí lãi vay	14.457	18.510	78%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	16.734	37.860	44%
Lỗ hợp nhất từ MPC	-31.782	-39.502	80%
Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	-15.048	-1.659	907%
Thuế TNDN	2.591	9.541	27%
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	-17.640	-11.201	157%

2. Đánh giá kết quả thực hiện kinh doanh dịch vụ của Công ty.



Kinh tế thế giới năm 2023 với rất nhiều biến động về địa chính trị và khủng hoảng kinh tế tại khối các nước Châu Âu, Trung Quốc, Mỹ. Biến động giá các mặt hàng nguyên liệu phục vụ sản xuất, hàng hóa thiết yếu và hậu quả nặng nề của Covid làm cho sức mua và sản xuất của thế giới đã sụt giảm đến mức báo động. Các yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến sự hồi phục của Xuất Nhập khẩu Việt Nam nói chung và hàng hóa Nhập khẩu nói riêng. Tình hình chiến sự địa chính trị cùng với sự cố Biển Đỏ cuối 2023 tác động rất lớn đến biến động giá cước vận tải, gây ra các rủi ro về tranh chấp và sụt giảm lượng hàng hóa vận chuyển toàn cầu.

Doanh thu hợp nhất năm 2023 đạt 879,52 tỷ đồng, bằng 48,77% so với cùng kỳ năm 2022 và đạt 58,64% so với kế hoạch kinh doanh đã đặt ra (1.500 tỷ đồng).

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2023 lỗ 15,04 tỷ đồng sau khi hợp nhất khoản lỗ hợp nhất từ công ty liên kết – CTCP Cảng Mipeca là -31,78 tỷ đồng.

Cụ thể tình hình kinh doanh các dịch vụ chính năm 2022:



Dịch vụ vận chuyển hàng hoá xuất khẩu qua đường hàng không xuất:

Trong vòng 27 năm phát triển, Công ty VNT Logistics vẫn luôn giữ vững vị trí là một trong những master co-loader hàng đầu về hàng không tại thị trường phía Bắc, là top đầu các công ty có sản lượng hàng hoá trên hầu hết các hàng hàng không ở khu vực phía Bắc như Asiana Airlines Airlines (OZ), Korean Air (KE), Qatar (QR), Vietnam Airlines, Singapore Airlines...; Năm 2023, khi sự căng thẳng của địa chính trị leo thang, đẩy lạm phát tại nhiều quốc gia trên thế giới tăng cao khiến việc sản xuất nói chung và xuất nhập khẩu nói riêng sụt giảm đáng kể. Dịch vụ vận chuyển hàng hoá xuất khẩu bằng đường Hàng không năm 2023 của VNT đạt 54% so với năm 2022.

Dịch vụ Vận tải quốc tế - hàng nhập khẩu:

Năm 2023 dưới tác động tiêu cực của kinh tế toàn cầu khiến giá cước toàn bộ các tuyến, Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ giảm đi đáng kể. Do giá cước tàu giảm, dễ dàng lấy chỗ và vỏ container nên xảy ra tình trạng cạnh tranh khốc liệt về giá bán trên thị trường. Tuy nhiên, dựa vào mối quan hệ bền chặt lâu năm với các hãng tàu và khách hàng, VNT đã không ngừng nỗ lực để duy trì được sản lượng và doanh số ở mảng đường biển xuất trong năm 2023. Tổng sản lượng của khối đạt 41.16% so với cùng kỳ năm 2022.

Dịch vụ Vận tải đường biển - hàng xuất khẩu:

Trong năm 2023, sự cạnh tranh trên thị trường đối với mảng Hàng nhập là rất khốc liệt. Các đối thủ cạnh tranh càng ngày càng tích cực sử dụng công cụ giảm giá (thậm chí chào dưới giá vốn của một/một vài công đoạn trong chuỗi cung ứng) để có thể lấy được sản lượng. Công ty đã luôn phải điều chỉnh lại biên lợi nhuận của mình để có thể cạnh tranh được trong thời kỳ khó khăn chung của thị trường như hiện nay. BGD Công ty VNT đã có sự điều chỉnh và cải tổ lại Bộ phận kinh Doanh hàng Nhập để có thể thích ứng tốt hơn với tình hình thị trường. Do vậy mặc dù các mảng kinh Doanh khác ghi nhận sự sụt giảm về Doanh số nhưng kết quả kinh Doanh của khối hàng Nhập được đánh giá tương đối khả quan.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Công ty tiếp tục hoàn thiện và cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;

- Tiếp tục hoàn thiện và sắp xếp lại tổ chức nhân sự, bộ máy kinh doanh, hình thành các Khối dịch vụ, tạo bộ máy chủ động và tập trung phát triển dịch vụ ở từng Khối, thống nhất quy trình kiểm soát chặt chẽ hơn quá trình thực hiện dịch vụ;
- Cải tiến các công nghệ thông tin tiên tiến, phòng họp trực tuyến, cài các phần mềm chuyên ngành nhằm đồng bộ và chuyên nghiệp hóa đội ngũ CBNV, nâng cao năng suất lao động;
- Xây dựng cơ chế lương thưởng cụ thể cho từng kết quả công việc, từng vị trí quản lý của nhân viên trong công ty;
- Tiếp tục triển khai nâng cao với các bên cung cấp về các phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ quản lý và nghiệp vụ chuyên môn;
- Xây dựng hệ thống đào tạo và hội nhập cho các nhân viên mới vào làm việc tại Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Giữ vững mạng lưới khách hàng hiện có, tìm kiếm mở rộng thêm những khách hàng tiềm năng, tập trung hơn vào một số khách hàng lớn. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ tốt đẹp hiện có với các nhà cung cấp như các hãng hàng không, hãng tàu, các nhà thầu phụ nhằm có chỗ và giá tốt để phục vụ khách hàng một cách tốt nhất;
- Tiếp tục thu hút nhân tài, nhất là các nhân viên kinh doanh giỏi về làm việc cho công ty. Đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ ở khối hỗ trợ, lấy khách hàng làm trung tâm.
- Tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm chi phí, hoàn thiện các quy trình dịch vụ ngày một tốt hơn.
- Hỗ trợ và phối hợp tìm khách hàng cho Công ty CP Cảng Mipec. Đồng thời phối hợp tìm khách hàng trong lĩnh vực kho bãi và dịch vụ giao nhận vận chuyển quốc tế cho Công ty CP Dịch vụ Thăng Long Logistics.
- Không ngừng tìm kiếm và bổ sung nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao.

5. Kết quả kinh doanh các Công ty liên doanh, liên kết.

Đơn vị	Đơn vị tính: triệu đồng	
	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long	104.601	8.347
Công ty CP Cảng Mipec	102.318	-119.215
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam	lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 683 trđ	

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

- Ngoài việc, Công ty luôn nỗ lực hoàn thành tốt mục tiêu kinh doanh, Công ty luôn cố gắng trong công tác chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, cùng nhau xây dựng môi trường làm việc năng động và đoàn kết. Mọi chế độ lương thưởng đảm bảo đời sống cho CBCNV cụ thể:
- Chế độ khen thưởng xứng đáng với kết quả công việc của từng nhân viên bằng tiền mặt. Các ngày lễ 8/3, 20/10, ngày thành lập công ty, tặng quà cho các cháu là con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi, cho các cháu học giỏi đạt thành tích cao thay thế bằng những phong bì và tâm thư gửi tới CBCNV.
- Công ty luôn quan tâm cải thiện chất lượng cuộc sống cho người lao động, bảo vệ môi trường, an toàn lao động và đạo đức kinh doanh. Sự phát triển của Công ty đã góp phần đóng góp vào sự phát triển kinh tế bền vững của ngành Logistics, của đất nước.
- Ngoài ra Công ty cũng đã thể hiện trách nhiệm cộng đồng thông qua những hoạt động từ thiện, đóng góp quỹ chất độc da cam, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn tại các phường nơi công ty đóng trụ sở.

7. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: triệu đồng	
	Lợi nhuận trước thuế	
Doanh thu thuần hợp nhất	900.000	
Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	7.800	

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN CÔNG THÀNH



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (“Công ty”).

Ban kiểm soát kính trình trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (“ĐHĐCĐ”) báo cáo đánh giá tình hình hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát như sau:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

- Ban kiểm soát đã trực tiếp tham gia đầy đủ các buổi họp Hội đồng quản trị để tiếp cận, nắm bắt và ghi nhận kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện công tác kiểm soát thông qua hình thức kiểm soát trực tiếp tại Công ty và qua hình thức ghi nhận các hồ sơ, tài liệu được gửi qua thư điện tử.
- Kiểm tra và giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2023.
- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành liên quan đến việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch kinh

Thành viên BKS	Chức vụ	Thu nhập trước thuế
Nguyễn Thị Thái Nhi	Trưởng Ban Kiểm Soát	22.222.222
Trần Thị Kim Ngân	Thành viên Ban Kiểm Soát	16.666.667
Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên Ban Kiểm Soát	16.666.667

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

1. Về sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức theo đúng quy định luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã cung cấp đầy đủ thông tin cho Ban kiểm soát về hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư và tình hình tài chính của Công ty trong năm 2023 thông qua các buổi họp trực tiếp và thông qua hình thức gửi email.

doanh năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Kiểm tra tính tuân thủ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế quy định của Công ty.
- Thực hiện kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành về hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực việc tuân thủ các quy định nội bộ cũng như các quy định pháp luật của công tác kế toán, kiểm toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.
- Kiểm tra Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm.

II. BÁO CÁO THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Năm 2023, các thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo quy định, nằm trong hạn mức đã được phê duyệt của ĐHCĐ thường niên.

Cụ thể, thù lao của BKS năm 2023 như sau:

Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua các báo cáo kết quả kinh doanh định kỳ, báo cáo về biến động nhân sự, Báo cáo biến động đầu tư, định hướng phát triển kinh doanh, đầu tư trung và dài hạn. Hội đồng quản trị đã phối hợp tốt cùng với Ban Điều hành chỉ đạo điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty.

Ban Điều hành đã triển khai và thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Ban Điều hành thường xuyên họp với các phòng ban trong Công ty để kịp thời nắm bắt và xử lý các vấn đề phát sinh nhằm mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban Điều hành báo cáo đầy đủ, kịp thời trung thực kết quả kinh doanh, tình hình đầu tư cũng như xin ý kiến chỉ đạo từ Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát nhận thấy Ban tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực và luôn tuân thủ các yêu cầu trong hệ thống quản trị nội bộ của Công ty.

2. Về hoạt động kinh doanh:

Doanh thu hợp nhất trong năm 2023 đạt 879,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 lỗ 15 tỷ đồng.

Doanh thu đến từ hoạt động dịch vụ đại lý cho hãng tàu RCL sụt giảm, nguyên nhân do giá cước giảm và phí hoa hồng đại lý giảm. Giá cước vận tải quốc tế giảm từ 50%-80% (cước đi Mỹ, Châu Âu, Trung Đông, Ấn độ, cước đi Trung Quốc giảm thấp chỉ còn USD 1-3 /container 40’). Sản lượng tăng 110% so với năm 2022 nhưng doanh thu giảm.

Sản lượng đến từ hoạt động dịch vụ vận tải quốc tế đường hàng không – hàng xuất khẩu năm 2023 là 19,200 tấn giảm so với năm 2022 là 93,98% (năm

2022 là 20.429 tấn).

3. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC):

Ngày 10/07/2023, Công ty đã ký hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam để soát xét báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023.

Ban kiểm soát nhận thấy Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023 được lập vào ngày 28/03/2024 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh và hoạt động lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định về kế toán có liên quan tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	TH 2023	TH 23/22	TH/KH
Tổng doanh thu	1.803	1.500	879	48,77%	58,64%
Lợi nhuận trước thuế	(1,6)	5	(15)	906,72%	(300,97%)

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT và Ban điều hành như sau:

- Công ty cần thiết lập quy trình phê duyệt nội bộ hạn mức tín dụng nợ cho khách hàng, quy định hạn mức công nợ ký hợp đồng với khách hàng tránh các rủi ro về công nợ.
- Quản trị công tác tạm ứng/quyết toán tạm ứng cán bộ công nhân viên. BKS đề xuất cần phải có quy định về hạn mức tạm ứng và thời gian hoàn ứng.
- BKS đề xuất đơn vị cần bổ sung vào quy trình mục lập tờ trình duyệt hạn mức công nợ từ lãnh đạo cấp phòng lên Ban Điều hành Công ty cho từng đối tượng khách hàng nhằm đảm bảo an toàn công nợ.
- Cần có sự kết hợp tốt hơn nữa giữa Công ty mẹ và các công ty con, các đơn vị trực thuộc, các phòng ban để có thể sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nhân lực, lợi thế sẵn có của Công ty và có chiến lược cụ thể để thu giữ nhân tài lâu dài cho Công ty.

- Tăng cường và triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị công ty, quản trị Logistics, phát triển kinh tế số.
- Hoàn thiện chính sách lương, thưởng, phúc lợi trong toàn Công ty nhằm đảm bảo công bằng, hợp lý giữa công ty mẹ và các công ty thành viên.
- Quảng cáo, tiếp cận các khách hàng tiềm năng thông qua nhiều kênh như tổ chức sự kiện, đầu tư website công ty, quảng cáo qua các kênh mạng xã hội...

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023, báo cáo này đã được các thành viên trong Ban kiểm soát nhất trí thông qua, kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2024.

Trân trọng,

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THỊ THÁI NHI

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

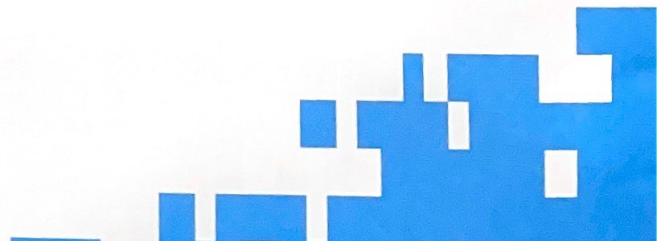
Người thực hiện giao dịch	Số CP đầu kỳ	Tỷ lệ	Số CP cuối kỳ	Tỷ lệ	Lý do
Công ty CP Transimex	2.357.140	19,73%	3.635.764	21,77%	CĐ TPCĐ, Mua CP
CTCP Giao nhận Vận tải Miền Trung	0	0,00%	79.706	0,48%	CĐ TPCĐ
CTCP Giao nhận kho vận ngoại thương VN	900.000	7,53%	1.262.310	7,56%	CĐ TPCĐ
Bà Đặng Thị Mai Hương	10.078	0,08%	36.350	0,22%	CĐ TPCĐ
Bà Đỗ Thị Thu Hiền	64	0,00%	6.405	0,04%	CĐ TPCĐ
Ông Trần Công Thành	71	0,00%	41.168	0,25%	CĐ TPCĐ
Ông Vũ Thế Đức	50	0,00%	2.639	0,02%	CĐ TPCĐ
Ông Nguyễn Xuân Giang	165.742	1,39%	77.501	0,46%	CĐ TPCĐ, Bán CP
Bà Nguyễn Thị Minh Huệ	33.000	0,28%	33.000	0,20%	CĐ TPCĐ, Bán CP
Ông Nguyễn Bích Lân	66.000	0,55%	92.568	0,55%	CĐ TPCĐ
Ông Lê Đại Thắng	35.825	0,30%	29.988	0,18%	CĐ TPCĐ, Bán CP
Ông Dương Chí Công	600	0,01%	4.104	0,02%	CĐ TPCĐ, Bán CP





**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 41



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024



RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Số: 390/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TUO TONG GIAM ĐOC



Trịnh Thanh Thanh
Giám đốc kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1
(Theo Giấy ủy quyền số 14/2023-24/UQ-RSM ngày
01 tháng 10 năm 2023)

Nguyễn Thị Bích Thảo
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4341-2024-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Theo Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		423.128.039.713	473.137.165.852
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	119.556.742.636	124.513.281.776
1. Tiền	111		33.917.942.636	58.859.564.776
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.638.800.000	65.653.717.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	130.333.256.800	166.907.465.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		16.525.000.000	16.525.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.290.100.000)	(397.075.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		115.098.356.800	150.779.540.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		169.498.316.855	180.316.782.887
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	136.665.505.055	162.291.169.391
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	26.213.732.212	7.708.556.338
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	17.698.846.361	19.471.634.898
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(11.079.766.773)	(9.154.577.740)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.739.723.422	1.399.636.189
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.476.159.448	1.364.936.835
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		77.822.918	34.699.354
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	185.741.056	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		228.551.618.447	229.568.617.464
I. Tài sản cố định	220		29.371.860.783	32.559.398.117
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	28.352.437.191	31.494.646.854
Nguyên giá	222		109.424.266.117	109.098.630.394
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.071.828.926)	(77.603.983.540)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.019.423.592	1.064.751.263
Nguyên giá	228		3.593.073.186	3.593.073.186
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.573.649.594)	(2.528.321.923)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		848.928.990	255.239.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		848.928.990	255.239.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	198.219.217.511	196.159.105.755
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		171.142.319.838	169.856.891.784
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.445.240.000	21.623.200.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(68.342.327)	(20.986.029)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.700.000.000	4.700.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		111.611.163	594.874.592
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		111.611.163	594.874.592
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		651.679.658.160	702.705.783.316

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		435.117.105.653	527.757.602.856
I. Nợ ngắn hạn	310		432.073.011.653	461.176.355.101
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	177.901.228.343	196.241.984.737
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.521.019	53.743.351
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.950.724.913	6.075.100.971
4. Phải trả người lao động	314	4.11	8.079.797.965	16.197.185.880
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	11.877.989.863	2.674.168.014
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	7.452.660.562	7.486.791.975
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	223.798.088.988	232.447.380.173
II. Nợ dài hạn	330		3.044.094.000	66.581.247.755
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	3.840.996.814
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	3.044.094.000	3.506.038.000
3. Trái phiếu chuyển đổi	339	4.15	-	59.234.212.941
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216.562.552.507	174.948.180.460
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16.1	216.562.552.507	174.948.180.460
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		166.994.970.000	119.490.050.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		166.994.970.000	119.490.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		57.826.051.991	45.544.394.511
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	531.977.480
4. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.16.6	9.400.293.842	9.400.293.842
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.16.6	12.000.000.000	12.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(28.841.555.244)	(11.201.327.291)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(11.201.327.291)	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(17.640.227.953)	(11.201.327.291)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		651.679.658.160	702.705.783.316



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lê Thị Hương Lan
Người lập

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam


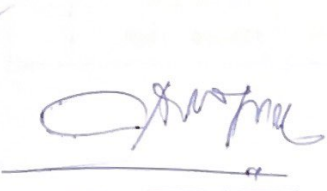
Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	879.526.958.129	1.803.584.707.015
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		879.526.958.129	1.803.584.707.015
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	830.649.556.559	1.713.423.210.712
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.877.401.570	90.161.496.303
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	16.633.443.501	16.807.939.328
6. Chi phí tài chính	22	5.4	18.804.086.736	27.121.231.737
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.457.115.058</i>	<i>18.510.561.060</i>
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(31.782.771.946)	(39.520.187.807)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	30.360.892.937	41.628.708.961
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.436.906.548)	(1.300.692.874)
10. Thu nhập khác	31		477.126.119	330.025.716
11. Chi phí khác	32		88.952.387	689.015.117
12. Lợi nhuận khác	40		388.173.732	(358.989.401)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(15.048.732.816)	(1.659.682.275)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	2.591.495.137	9.541.645.016
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(17.640.227.953)	(11.201.327.291)
16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(17.640.227.953)	(11.201.327.291)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	(1.113)	(984)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.5	(1.113)	(984)

Trần Công Thành
Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng
Lê Thị Hương Lan
Người lập

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(15.048.732.816)	(1.659.682.275)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	4.366.424.288	4.957.498.656
Các khoản dự phòng	03		2.865.570.331	1.759.862.282
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(487.753.776)	(75.232.280)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		19.599.049.373	31.785.876.422
Chi phí lãi vay	06	5.4	14.457.115.058	18.510.561.060
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		25.751.672.458	55.278.883.865
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.087.878.990	241.271.528.621
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(29.031.569.873)	(111.381.650.687)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.627.959.184)	(644.190.222)
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.256.976.813)	(18.186.260.621)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(3.870.324.312)	(13.891.162.458)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	337.051.470
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(555.555.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.947.278.734)	152.228.644.413
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.862.267.874)	(196.372.054)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		141.279.460	118.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(19.755.841.800)	(62.203.924.539)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		56.902.005.000	15.929.923.717
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(34.890.240.000)	(97.359.350.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.502.877.211	7.734.311.385
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.037.811.997	(135.977.229.673)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.2	804.479.864.304	1.286.384.332.224
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.3	(813.129.155.489)	(1.279.338.312.846)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(11.893.605.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.649.291.185)	(4.847.585.622)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		(5.558.757.922)	11.403.829.118
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		124.513.281.776	112.902.428.057
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		602.218.782	207.024.601
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	119.556.742.636	124.513.281.776



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lê Thị Hương Lan
Người lập

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào 31 tháng 05 năm 2023 để thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 166.994.970.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	41.537.040.000	24,87	29.615.000.000	24,78
Công ty Cổ phần Transimex	Việt Nam	36.357.640.000	21,77	23.571.400.000	19,73
Công ty Cổ phần VNT Holdings	Việt Nam	27.780.000.000	16,64	27.780.000.000	23,25
Lionas Fund Co., Ltd	Nhật Bản	17.136.000.000	10,26	17.136.000.000	14,34
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	Việt Nam	12.623.100.000	7,56	9.000.000.000	7,53
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Việt Nam	8.497.360.000	5,09	-	-
Các đối tượng khác		23.063.830.000	13,81	12.387.650.000	10,37
Cộng		166.994.970.000	100	119.490.050.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại Mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Phòng	Giao nhận, vận tải	số 208 đường Chùa Vẽ, phường Đồng Hải 1, quận Hải An, TP Hải Phòng
Chi nhánh Bắc Ninh	Giao nhận, vận tải	tầng 6 tòa nhà VNPT, số 33 Lý Thái Tổ, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Giao nhận, vận tải	tầng 5 Khu C Tòa nhà Waseco, số 10 Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023 là 420 (31/12/2022 là: 426).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Giao nhận, tiếp vận.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (mã ngành: 5229). Chi tiết:

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
- Đại lý tàu biển;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận và tiếp vận, ngành nghề này đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Năm 2023, sản lượng vận chuyển liên tục giảm, buộc các đại lý dần điều chỉnh giá cước về mức tương đương cuối năm 2019. Với nhóm vận tải biển, áp lực gia tăng từ nguồn cung tàu mới khiến thị trường dư cung và giá cước giảm sâu thêm. Đây là những nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu năm 2023 của Tập đoàn đã giảm 51% so với năm 2022, cụ thể:

- Doanh thu cước vận chuyển hàng không giảm 44%;
- Doanh thu cước vận chuyển đường biển giảm 55%;
- Doanh thu từ các dịch vụ khác giảm 56%.

Giá vốn năm 2023 giảm tương ứng với doanh thu.

Trong khi đó, lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Tập đoàn chỉ giảm 57%. Nguyên nhân là do số lỗ hợp nhất từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Cảng Mipec năm 2023 đã giảm so với năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.6. Công ty con được hợp nhất

Là Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 100%. Trụ sở của công ty con được đặt tại số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.7. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Là Công ty Cổ phần Cảng Mipec với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 26,66%. Trụ sở của công ty liên kết được đặt tại Bán đảo Đỉnh Vũ - Khu KT Đỉnh Vũ Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2023.

3.2. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số " Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.5. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

336

ÔN
TN
FOA
4VI

HO

101

CÔNG
CỐ
NH
OAI

ĐI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua. Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

74
37
1H
31
T1
10
3528
IG T
PH
AN V
THUC
1 - TP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng biệt và phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Khác	04 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 02 phố Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội trong 20 năm; quyền sử dụng diện tích đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng trong 50 năm và quyền sử dụng lâu dài diện tích đất tại Số 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.12. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh trực tiếp của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận chuyển quốc tế: 0%
- Phí dịch vụ chứng từ và các dịch vụ khác: 8% và 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.379.314.506	3.989.123.202
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.538.628.130	54.870.441.574
Các khoản tương đương tiền (*)	85.638.800.000	65.653.717.000
Cộng	119.556.742.636	124.513.281.776

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 2,1%/năm đến 3%/năm đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)

51
NG
NH
AN
TI
3H
013
ÔNG
CỔ P
NH
AI T
ĐA-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư cổ phiếu:				
Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink	6.900.000.000	10.616.340.000	6.900.000.000	10.515.232.000
Cổ phiếu Công ty CP Vinafreight	9.625.000.000	8.334.900.000	9.625.000.000	9.227.925.000
Cộng	16.525.000.000	18.951.240.000	16.525.000.000	19.743.157.000

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đang nắm giữ.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Số đầu năm	397.075.000	-
Trích lập trong năm	893.025.000	397.075.000
Hoàn nhập trong năm	-	-
Số cuối năm	1.290.100.000	397.075.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	115.098.356.800	115.098.356.800	150.779.540.000	150.779.540.000
Dài hạn:				
Trái phiếu	3.700.000.000	3.700.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 3,3% đến 7,8%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam với lãi suất 8,4%/năm và kỳ hạn 07 năm, được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	310.765.050.000	171.142.319.838	277.696.850.000	169.856.891.784

Thông qua Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐQT ngày 06/01/2023 và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐQT ngày 16/02/2023, Tập đoàn thực hiện quyền mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Mipec theo phương án phát hành thêm cổ phiếu với tổng giá trị 33.068.200.000 VND làm tăng tỷ lệ quyền biểu quyết từ 26,33% lên 26,66%.

Theo chứng thư thẩm định giá ngày 30 tháng 01 năm 2024 từ tổ chức thẩm định chuyên nghiệp, giá trị 1 cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Mipec tại ngày 31/12/2023 được định giá là 11.819 VND/01 cổ phần và hiện đang cao hơn so với giá gốc bình quân của 1 cổ phần được mua mà Tập đoàn đang ghi sổ là 10.419 VND/01 cổ phần.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023				Tại ngày 01/01/2023			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:								
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam ^(a)	2.260.000.000	(*)	(68.342.327)	2.260.000.000	(*)	(20.986.029)		
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long ^(b)	21.185.240.000	(*)	-	19.363.200.000	(*)	-		
Cộng	23.445.240.000		(68.342.327)	21.623.200.000		(20.986.029)		

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(a) Khoản đầu tư này chiếm 10% vốn góp của Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam. Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

(b) Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Thông qua Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT ngày 25/05/2023, Tập đoàn thực hiện mua thêm 182.204 cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long với tổng giá trị 1.822.040.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2023, khoản đầu tư này chiếm tỷ lệ 9,18%.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Số đầu năm	20.986.029	709.636.171
Trích lập trong năm	47.356.298	-
Hoãn nhập trong năm	-	(688.650.142)
Số cuối năm	68.342.327	20.986.029



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu từ bên liên quan – Xem thêm Mục 8	776.338.838	59.404.860
Phải thu khách hàng:		
Công ty TNHH Tiếp vận KCL	5.745.359.435	4.292.906.586
Công ty TNHH PTV Logistics	4.975.631.001	453.094.590
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	3.073.574.770	5.708.055.875
Công ty TNHH MTV Giấy Lập Thạch	2.378.662.200	3.410.576.425
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Vĩnh Thịnh	2.269.836.834	5.078.278.855
B-Tech International Design and Manufacturing Ltd	2.161.720.235	-
Các khách hàng khác (*)	115.284.381.742	143.288.852.200
Cộng	136.665.505.055	162.291.169.391

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Regional Container Lines Public Company	3.124.871.844	5.368.976.298
Sento Pte. Ltd (*)	20.520.546.244	-
Các nhà cung cấp khác	2.568.314.124	2.339.580.040
Cộng	26.213.732.212	7.708.556.338

(*) Đây là khoản ứng trước tiền hàng theo hợp đồng số SENTO-HANO-046 tại ngày 4 tháng 10 năm 2023 và các hợp đồng SENTO-HANO-066, SENTO-HANO-067 tại ngày 27 tháng 12 năm 2023 cho nhà cung cấp Sento Pte. Ltd.

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ	3.802.665.458	-	8.109.676.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	9.596.531.657	-	8.755.568.553	-
Phải thu khác	4.299.649.246	-	2.606.390.345	-
Cộng	17.698.846.361	-	19.471.634.898	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023		Thời gian quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	
Công ty TNHH Thương Mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	-	5.300.180.797	1.590.054.238	Từ 2 năm đến 3 năm
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	1.115.620.730	-	Trên 3 năm
Công ty CP Giao nhận DMG Hà Nội	1.076.916.240	-	1.076.916.344	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Chuyển Phát Nhanh Đa Phương	1.466.360.737	473.180.369	1.300.000.000	650.000.000	Từ 1 năm đến 2 năm
Các khách hàng khác	3.525.607.603	931.738.965	3.670.889.929	1.068.975.822	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Cộng	12.484.686.107	1.404.919.334	12.463.607.800	3.309.030.060	

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Số đầu năm	9.154.577.740	7.103.140.318
Trích lập trong năm	1.925.189.033	2.051.437.422
Hoàn nhập trong năm	-	-
Số cuối năm	11.079.766.773	9.154.577.740



 CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2023	52.967.101.368	10.942.120.969	43.317.402.791	1.016.535.266	855.470.000	109.098.630.394
Mua trong kỳ	-	-	1.268.577.884	-	-	1.268.577.884
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(279.475.637)	-	-	(279.475.637)
Giảm khác	-	(360.883.804)	(35.100.000)	(267.482.720)	-	(663.466.524)
Tại ngày 31/12/2023	52.967.101.368	10.581.237.165	44.271.405.038	749.052.546	855.470.000	109.424.266.117
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2023	25.925.074.384	9.007.259.861	40.898.836.105	937.551.262	835.261.928	77.603.983.540
Khấu hao trong kỳ	2.780.109.798	630.521.910	851.235.917	40.528.996	18.699.996	4.321.096.617
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(189.784.707)	-	-	(189.784.707)
Giảm khác	-	(360.883.804)	(35.100.000)	(267.482.720)	-	(663.466.524)
Tại ngày 31/12/2023	28.705.184.182	9.276.897.967	41.525.187.315	710.597.538	853.961.924	81.071.828.926
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2023	27.042.026.984	1.934.861.108	2.418.566.686	78.984.004	20.208.072	31.494.646.854
Tại ngày 31/12/2023	24.261.917.186	1.304.339.198	2.746.217.723	38.455.008	1.508.076	28.352.437.191

NG PH AN V THU
 A-T
 135
 01/11/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 2.346.154.498 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 46.027.566.684 VND.

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	2.642.410.677	950.662.509	3.593.073.186
Tại ngày 31/12/2023	2.642.410.677	950.662.509	3.593.073.186
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	1.606.670.841	921.651.082	2.528.321.923
Khấu hao trong kỳ	16.316.244	29.011.427	45.327.671
Tại ngày 31/12/2023	1.622.987.085	950.662.509	2.573.649.594
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	1.035.739.836	29.011.427	1.064.751.263
Tại ngày 31/12/2023	1.019.423.592	-	1.019.423.592

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.382.213.578 VND.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 640.363.374 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Regional Container Lines Public Co., Ltd	113.172.594.913	113.172.594.913	112.155.346.710	112.155.346.710
Qatar Airway Group	3.409.901.356	3.409.901.356	2.267.751.709	2.267.751.709
Phải trả cho các đối tượng khác	61.318.732.074	61.318.732.074	81.817.986.318	81.817.986.318
Cộng	177.901.228.343	177.901.228.343	196.241.984.737	196.241.984.737

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	590.803.677	7.244.892.222	7.315.049.207	-	660.960.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp	185.741.056	548.750.955	2.591.495.137	3.870.324.312	-	1.641.839.074
Thuế thu nhập cá nhân	-	390.330.826	6.642.153.362	8.652.467.845	-	2.400.645.309
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	719.154.156	719.154.156	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.420.839.455	16.924.651.224	16.875.467.695	-	1.371.655.926
Cộng	185.741.056	2.950.724.913	34.122.346.101	37.432.463.215	-	6.075.100.971



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người lao động**

Là quỹ tiền lương và thưởng phải trả cho nhân viên tại ngày 31/12/2023.

4.12. Chi phí phải trả

Là chi phí trích trước cước vận chuyển và phí làm chứng từ.

4.13. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.657.277.945	6.144.268.626
Các khoản phải trả, phải nộp khác	795.382.617	1.342.523.349
Cộng	7.452.660.562	7.486.791.975
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.044.094.000	3.506.038.000

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Vay ngắn hạn

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	Tăng	Giảm	VND
Vay ngắn hạn	223.798.088.988	223.798.088.988	804.479.864.304	813.129.155.489	232.447.380.173	232.447.380.173
Các khoản vay được chi tiết như sau:						
Ngân hàng	Loại tiền	Hạn mức vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tại ngày 31/12/2023
						VND
						Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	VND	350.000.000.000	< 12 tháng	4,2% - 8,3%/năm	Bổ sung vốn lưu động	113.491.148.522
Ngân hàng TMCP Quân Đội ^(b)	VND	80.000.000.000	< 12 tháng	6,2% - 8,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động	12.652.264.728
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ^(c)	VND	56.000.000.000	< 12 tháng	5,5% - 8,2%/năm	Bổ sung vốn lưu động	44.597.614.720
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ^(d)	VND	70.000.000.000	< 12 tháng	5,5% - 8,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	12.054.090.293
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ^(e)	VND	23.000.000.000	< 12 tháng	5,6% - 8,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	21.335.340.236
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai ^(f)	VND	55.000.000.000	< 12 tháng	5,5% - 8,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	18.829.938.951
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội ^(g)	VND	60.000.000.000	< 12 tháng	6% - 7,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	837.691.538
Cộng						223.798.088.988
						232.447.380.173

Đã kiểm tra và đúng với sổ sách kế toán. Ngày 01/01/2023. Thủ trưởng đơn vị: Nguyễn Văn Tuấn (Chữ ký và đóng dấu)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn – Xem thêm Mục 4.1 và Mục 4.2 và các tài sản khác, được chi tiết như sau:

(a) Khoản vay được bảo đảm bằng:

- Các tài khoản tiền gửi số 802222564996, 802222565014, 802222565005, 802222565032, 802222481855, kỳ hạn từ 01 đến 06 tháng với tổng giá trị là 22.300.000.000 VND;
- Các tài khoản tiền gửi số 802220000386, 802220000359, 802220000377, 802220000368, kỳ hạn 01 tháng với tổng giá trị là 350.000 USD;
- Tài sản cố định là một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 là 2.346.154.498 VND – Xem thêm Mục 4.7;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 là 640.363.374 VND – Xem thêm Mục 4.8.

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 0001580880950, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 12.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 6807890264681, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 3.000.000.000 VND.
- Tài khoản tiền gửi số 001171725886, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 2.000.000.000 VND.

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 1500633006291, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 8.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 1500633006358, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 4.000.000.000 VND;
- Trái phiếu VBA121033, kỳ hạn 07 năm với tổng giá trị là 1.000.000.000 VND;
- Khoản vay được bảo đảm bằng các tài khoản tiền gửi số 1501633000869, 1501633000875, 1501633000954, 1501633000960 kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với tổng giá trị là 8.000.000.000 VND.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 216000233934, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 500.000 USD;
- Tài khoản tiền gửi số 219000364277, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 5.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 211000235485, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 13.204.812.000 VND.

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi số 703003958743, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 13.000.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Các tài khoản tiền gửi số 09750000004676, 09750000017086, 001020824108 kỳ hạn 06 đến 12 tháng với tổng giá trị 15.600.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 001031887761, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 194.000 USD;
- Các tài khoản tiền gửi số 215000278560, 213000284707, 219000360204, 217000301935 kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 5.337.200.000 VND;
- Các tài khoản tiền gửi số 213000208156, 219000220957, 216000212191, 218000213461 kỳ hạn 03 tháng với tổng giá trị là 260.000 USD.

4.15. Trái phiếu chuyển đổi

- Trái phiếu chuyển đổi của Công ty phát hành tại ngày 28 tháng 01 năm 2021 có thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Mục đích phát hành: góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long và thanh toán một phần khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV);
- Số lượng trái phiếu chuyển đổi: 592.546 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/ trái phiếu;
- Lãi suất phát hành trái phiếu: 7%/năm;
- Kỳ hạn trả lãi: 01 năm/lần;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu = Mệnh giá trái phiếu/ Giá chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi: 7,5%/năm;
- Giá trị phần nợ gốc là 58.722.622.520 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 531.977.480 VND.

Trái phiếu chuyển đổi

Tại ngày 01/01/2021	-
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	58.722.622.520
Chi phí phát hành	(137.500.000)
Phân bổ chi phí phát hành	68.750.000
Lãi trái phiếu	237.409.985
Tại ngày 01/01/2022	58.891.282.505
Phân bổ chi phí phát hành	68.750.000
Lãi trái phiếu	274.180.436
Tại ngày 01/01/2023	59.234.212.941
Lãi trái phiếu	20.387.059
Phát hành cổ phiếu chuyển đổi trái phiếu (*)	(59.254.600.000)
Tại ngày 31/12/2023	-

(*) Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đã được hoàn thành vào ngày 27 tháng 01 năm 2023 - Xem thêm Mục 4.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyên chọn trái phiếu chuyển đổi VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2022	119.490.050.000	45.544.394.511	531.977.480	(817.208.082)	33.504.209.547	198.253.423.456
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(11.201.327.291)	11.201.327.291
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(210.310.705)	(210.310.705)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(11.893.605.000)	(11.893.605.000)
Tại ngày 01/01/2023	119.490.050.000	45.544.394.511	531.977.480	(817.208.082)	10.198.966.551	174.948.180.460
Chuyển đổi trái phiếu (*)	47.504.920.000	12.281.657.480	(531.977.480)	-	-	59.254.600.000
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(17.640.227.953)	(17.640.227.953)
Tại ngày 31/12/2023	166.994.970.000	57.826.051.991	-	(817.208.082)	(7.441.261.402)	216.562.552.507

(*) Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đã được hoàn thành vào ngày 27 tháng 01 năm 2023, với tổng số cổ phiếu được chuyển đổi là 4.750.492 cổ phiếu và mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Số lượng trái phiếu chuyển đổi là 592.546 trái phiếu với tỷ lệ chuyển đổi là 8,01714 (nhà đầu tư sở hữu 01 trái phiếu nhận 8,01714 cổ phiếu với giá chuyển đổi là 12.473,28 đồng/ cổ phiếu). Theo đó, vốn điều lệ đăng ký (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) của Tập đoàn tăng từ 119.490.050.000 VND lên 166.994.970.000 VND - Xem thêm Mục 4.15.

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp tại ngày 01/01	119.490.050.000	119.490.050.000
Vốn góp tăng trong kỳ	47.504.920.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 31/12	166.994.970.000	119.490.050.000

4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.699.497	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	16.699.497	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.644.097	11.893.605

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lỗ sau thuế của công ty mẹ	(17.640.227.953)	(11.201.327.291)
(Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(500.000.000)	(500.000.000)
Lỗ sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(18.140.227.953)	(11.701.327.291)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	16.292.691	11.893.605
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.113)	(984)

4.16.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lỗ sau thuế của công ty mẹ	(17.640.227.953)	(11.201.327.291)
(Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(500.000.000)	(500.000.000)
Lỗ để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(18.140.227.953)	(11.701.327.291)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	16.292.691	11.893.605
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.113)	(984)

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu kỳ này được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ ĐHCĐ-VNT ngày 26 tháng 04 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành đầu năm	11.893.605	11.893.605
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân được chuyển đổi từ trái phiếu	4.399.086	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	16.292.691	11.893.605

4.16.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2023	9.400.293.842	12.000.000.000
Trích trong năm	-	-
Chi trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2023	9.400.293.842	12.000.000.000

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	2.179.789,72	3.644.450,03
JPY	33.000,00	33.000,00
EUR	13.347,44	13.342,12
SGD	680,86	680,86

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cước vận chuyển hàng không	353.350.662.206	631.817.812.152
Cước vận chuyển đường biển	368.735.446.082	816.065.754.366
Doanh thu dịch vụ khác	157.440.849.841	355.701.140.497
Cộng	879.526.958.129	1.803.584.707.015

Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

	1.779.497.785	2.548.364.991
--	---------------	---------------

Nguyên nhân giảm doanh thu năm nay được thuyết minh tại Mục 1.5.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	61.349.009.213	100.444.753.117
Chi phí công cụ, dụng cụ	344.148.266	654.253.495
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.466.778.246	4.097.531.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	740.885.843.817	1.578.736.904.055
Chi phí bằng tiền khác	24.603.777.017	29.489.768.357
Cộng	830.649.556.559	1.713.423.210.712

Giá vốn năm 2023 giảm 52% do giảm doanh thu như thuyết minh ở Mục 5.1.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.079.435.800	1.424.517.500
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.055.753.799	6.309.793.885
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.010.500.126	8.998.395.663
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	487.753.776	75.232.280
Cộng	16.633.443.501	16.807.939.328

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	14.457.115.058	18.510.561.060
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.406.590.380	8.902.245.819
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư	940.381.298	(291.575.142)
Cộng	18.804.086.736	27.121.231.737

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.011.835.047	21.493.788.775
Chi phí khấu hao TSCĐ	899.646.042	859.966.968
Chi phí dự phòng	1.925.189.033	2.051.437.424
Chi phí bằng tiền khác	12.524.222.815	17.223.515.794
Cộng	30.360.892.937	41.628.708.961

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	76.360.844.260	121.938.541.892
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.366.424.288	4.957.498.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	740.885.843.817	1.578.736.904.055
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.925.189.033	2.051.437.424
Chi phí khác	37.472.148.098	47.367.537.646
Cộng	861.010.449.496	1.755.051.919.673

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	(15.048.732.816)	(1.659.682.275)
Cộng: Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất BCTC	31.823.992.838	39.520.187.807
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	524.925.652	2.655.229.786
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(640.274.782)	(88.419.924)
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức và lợi nhuận sau thuế được chia)	(2.079.435.800)	(1.424.517.500)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	14.580.475.092	39.002.797.894
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	2.916.095.018	7.800.559.579
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	(324.599.881)	1.741.085.437
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.591.495.137	9.541.645.016

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chuyển đổi trái phiếu thành vốn chủ sở hữu	59.254.600.000	-

6.2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	804.479.864.304	1.286.384.332.224

6.3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(813.129.155.489)	(1.279.338.312.846)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Châu, phường Quảng Quốc Từ Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhiệm vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Hà Nội;
- Hải Phòng.

Đơn vị: Ngân đồng

	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	794.663.710	1.680.107.879	84.863.248	123.476.828	-	-	879.526.958	1.803.584.707
Giữa các bộ phận	100.816.087	103.036.337	13.236.825	17.548.017	(114.052.912)	(120.584.354)	-	-
Cộng	895.479.797	1.783.144.216	98.100.073	141.024.845	(114.052.912)	(120.584.354)	879.526.958	1.803.584.707

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	7.898.296	24.706.316	10.618.213	23.826.472	-	-	18.516.509	48.532.788
Lỗ hợp nhất từ công ty liên kết	(31.782.772)	(39.520.188)	-	-	-	-	(31.782.772)	(39.520.188)
Doanh thu tài chính	10.483.844	12.397.845	6.149.600	4.410.094	-	-	16.633.444	16.807.939
Chi phí tài chính	(14.617.573)	(20.527.997)	(4.186.514)	(6.593.234)	-	-	(18.804.087)	(27.121.231)
Lợi nhuận khác	409.198	(510.939)	(21.024)	151.949	-	-	388.174	(358.990)
Lợi nhuận trước thuế Thuế TNDN	(27.609.006)	(23.454.963)	12.560.275	21.795.281	-	-	(15.048.733)	(1.659.682)
							(2.591.495)	(9.541.645)
Lợi nhuận sau thuế							(17.640.228)	(11.201.327)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đơn vị: Ngân đồng

Các thông tin khác

	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Tài sản của bộ phận	546.197.733	586.891.277	198.471.305	181.383.744	(92.989.380)	(65.569.238)	651.679.658	702.705.783
Nợ phải trả của bộ phận	329.635.180	411.943.097	198.471.305	181.383.744	(92.989.380)	(65.569.238)	435.117.105	527.757.603
Chi phí mua sắm tài sản trong năm	1.768.715	196.372	93.553	-	-	-	1.862.268	196.372
Chi phí khấu hao trong năm	950.672	946.596	3.415.752	4.010.902	-	-	4.366.424	4.957.498

Doanh thu bộ phận được đưa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Tập đoàn chỉ hoạt động trong lĩnh vực giao nhận vận chuyển và logistics, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

(Xem trang tiếp theo)

ĐẠI THẠM
ÔNG
Ô P
HẠN
13/3/2023

التجارة العامة
مصر

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty Cổ phần Vinafreight
2. Công ty Cổ phần Transimex
3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Mối quan hệ

- Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
 Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu thương mại – Xem thêm Mục 4.3:		
Công ty Cổ phần Vinafreight	776.338.838	59.404.860
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Vinafreight	1.637.035.026	2.485.533.137
Công ty Cổ phần Transimex	142.462.759	62.831.854
Cộng – Xem thêm Mục 5.1	1.779.497.785	2.548.364.991
Mua dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Vinafreight	244.994.400	155.250.270
Công ty Cổ phần Transimex	262.398.270	1.201.558.256
Cộng	507.392.670	1.356.808.526
Cổ tức, lợi nhuận được chia:		
Công ty Cổ phần Vinafreight	694.575.000	-
Chi phí lãi vay đã trả:		
Công ty Cổ phần Vinafreight	1.040.949.000	-
Công ty Cổ phần Transimex	653.471.000	-
Cộng	1.694.420.000	-

32.
 TY
 TU
 NA
 CI

2854
 TY
 IAN
 VAN T
 UONG
 TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị (" HĐQT"), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND			Năm 2022 VND		
		Thù lao	Thu nhập	Cộng	Thù lao	Thu nhập	Cộng
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch	133.333.333	916.332.000	1.049.665.333	133.333.333	916.332.000	1.049.665.333
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc/ Thành viên	61.111.111	916.332.000	977.443.111	61.111.111	916.332.000	977.443.111
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc	-	636.000.000	636.000.000	-	612.000.000	612.000.000
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc	-	615.480.000	615.480.000	-	612.000.000	612.000.000
Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc	-	615.480.000	615.480.000	-	612.000.000	612.000.000
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	61.111.111	-	61.111.111
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	61.111.111	-	61.111.111
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	61.111.111	-	61.111.111
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	61.111.111	-	61.111.111	61.111.111	-	61.111.111
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	-	-	-	61.111.111	-	61.111.111
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	-	-	-	61.111.111	-	61.111.111
Bà Vũ Thị Bình Nguyễn	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	-	22.222.222	22.222.222	-	22.222.222	22.222.222
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	-	16.666.667	16.666.667	-	16.666.667	16.666.667
	Thành viên ban kiểm soát	-	16.666.667	16.666.667	-	16.666.667	16.666.667
Cộng		438.888.888	3.755.179.556	4.194.068.444	499.999.999	3.724.219.556	4.224.219.555

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2022 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2022 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(984)	(487)

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành và số lỗ để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị Quyết số 14/2023/NQ-HDQT ngày 27/12/2023, Tập đoàn thông qua phương án chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Mipec (dưới đây gọi tắt là "Cảng Mipec") với tổng số cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa là 3.500.000 tương ứng 3,13% tỷ lệ sở hữu trong Cảng Mipec.

Ngày 28/12/2023, Tập đoàn đã thực hiện ký kết hợp đồng chuyển nhượng 1.750.000 cổ phiếu của Cảng Mipec cho bà Nguyễn Thu Hương với tổng giá trị được chuyển nhượng là 40.250.000.000 VND. Và tại thời điểm trên, bà Nguyễn Thu Hương đã đặt cọc số tiền 402.500.000 VND cho Tập đoàn. Việc chuyển nhượng được thực hiện thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

Giao dịch chuyển nhượng trên đã được Tập đoàn và bà Nguyễn Thu Hương thống nhất hủy bỏ theo hợp đồng thanh lý ngày 10/01/2024. Theo đó, Tập đoàn cũng đã hoàn trả khoản tiền cọc cho bà Nguyễn Thu Hương vào ngày 24/01/2024. Do đó, Tập đoàn và Cảng Mipec đã không ghi nhận giao dịch chuyển nhượng trên cho báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, thông tin hủy bỏ giao dịch chuyển nhượng trên chưa được Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI cập nhật kịp thời.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lê Thị Hương Lan
Người lập

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CÔNG TY

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN XUÂN GIANG



Địa chỉ: Số 2 Bích Câu – Quốc Tử Giám – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: 84-(4) 3732 1090 - Fax: 84-(4) 3732 1083

Website: <http://vntlogistics.com/>